

Số: 696 /QĐ-SGTVT

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ GTVT quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021, Thông tư số 22/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ GTVT về Quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ GTVT quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ GTVT quy định về quản lý và bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ GTVT quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý giao thông Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 626/QĐ-SGTVT ngày 20/5/2022 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa ban hành Quy chế thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý.

Điều 3. Lãnh đạo Sở, Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLGT.



Nguyễn Văn Khiên

QUY CHẾ

Thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý

(Ban hành kèm theo Quyết định số 696 /QĐ-SGTVT ngày 21 / 8 /2023
của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này áp dụng trong việc thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai các công trình đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các phòng chức năng chuyên môn của Sở, Thanh tra Sở, Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, bảo trì các công trình giao thông, hạ tầng và hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. *Quản lý, bảo trì công trình giao thông* là tập hợp các công việc: quản lý, bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; bảo vệ kết cấu hạ tầng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa trực tiếp quản lý.

2. *Công trình giao thông* là các công trình đường bộ, đường thủy nội địa (trung ương, địa phương), hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý.

3. *Công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông* bao gồm công tác quản lý, bảo vệ công trình và hành lang an toàn công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

4. *Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt* là hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, có các điểm dừng đón trả khách và xe chạy theo biểu đồ chạy xe được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

5. *Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định* là kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành với cự ly, phạm vi hoạt động nhất định, bao gồm tuyến xe buýt nội tỉnh và tuyến xe buýt liên tỉnh.

6. *Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa* là cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

7. *Ban quản lý bảo trì công trình giao thông và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý bảo trì)* là đơn vị được Sở Giao thông vận tải giao làm đại diện chủ đầu tư thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. *Nhà thầu bảo trì* là đơn vị thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

9. *Đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt* là doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 3. Yêu cầu về thực hiện quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

1. Các phòng chuyên môn Sở, Thanh tra Sở, Ban Quản lý bảo trì có trách nhiệm tham mưu, chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Sở và trước pháp luật trong việc triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông phải thực hiện theo quy định, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về quản lý, bảo trì công trình giao thông được cơ quan có thẩm quyền công bố áp dụng.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Điều 4. Thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông

1. Phòng Kế hoạch tài chính

a) Chủ trì lập, trình kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên theo hàng năm; lựa chọn nhà thầu; hình thức thực hiện (đặt hàng, đấu thầu, theo chất lượng thực hiện, theo khối lượng thực tế).

b) Giao dự toán kinh phí cho Ban Quản lý bảo trì; quyết toán, trình phê duyệt nguồn kinh phí hàng năm.

c) Tiếp nhận kinh phí đặt cọc, bảo lãnh ngân hàng để bảo hành chất lượng công tác hoàn trả công trình đường bộ của chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình thiết yếu; hoàn trả lại kinh phí sau khi có biên bản nghiệm thu hết thời gian bảo hành công trình theo quy định.

2. Phòng Quản lý giao thông

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông (quản lý hành lang, tổ chức giao thông, an toàn giao thông). Chủ trì báo cáo cấp thẩm quyền số liệu đếm xe, số liệu tai nạn giao thông, vi phạm hành lang an toàn giao thông, thiệt hại thiên tai, điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông... trên cơ sở báo cáo của Ban Quản lý bảo trì (Ban Quản lý bảo trì dự thảo báo cáo cấp thẩm quyền gửi kèm); kiến nghị giải quyết các bất cập về tình trạng công trình, vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông; tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo Thanh tra Sở giải quyết, xử lý các vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý bảo trì.

b) Thẩm định quy trình bảo trì công trình giao thông và trình cấp thẩm quyền phê duyệt đối với công trình chưa có quy trình bảo trì theo quy định.

c) Tiếp nhận, lưu trữ trong kho lưu trữ của Sở hồ sơ hoàn công gốc các công trình sửa chữa, xây dựng mới công trình cầu (Ban Quản lý bảo trì vẫn lưu những hồ sơ này theo quy định). Chủ trì tham mưu kiểm tra công tác lưu trữ hồ sơ hoàn công; tài liệu quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình của Ban Quản lý bảo trì, các nhà thầu quản lý tuyến.

d) Chấp thuận, cấp phép thi công, nghiệm thu, lưu hồ sơ hoàn công công tác hoàn trả công trình đường bộ của chủ đầu tư thi công công trình thiết yếu; thông báo cho phòng Kế hoạch tài chính kinh phí đặt cọc, bảo lãnh ngân hàng và hoàn trả lại kinh phí bảo hành chất lượng công tác hoàn trả công trình đường bộ của chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình thiết yếu theo quy định.

e) Tham gia cùng Ban Quản lý bảo trì nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên tháng thứ ba của quý của Ban Quản lý bảo trì; xác định khối lượng cần phải thực hiện quý tiếp theo đối với gói thầu thực hiện theo khối lượng thực tế.

g) Chủ trì công tác kiểm tra đột xuất việc tổ chức thực hiện, chất lượng thực hiện trong công tác bảo dưỡng thường xuyên, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của Ban Quản lý bảo trì và nhà thầu.

3. Phòng Thẩm định KHK

a) Thẩm định hồ sơ dự toán các gói thầu bảo dưỡng thường xuyên; duyệt điều chỉnh, bổ sung (nếu có) khối lượng, dự toán quý, năm của gói thầu thực hiện theo khối lượng thực tế trên cơ sở báo cáo, đề nghị của Ban Quản lý bảo trì làm cơ sở cho Ban Quản lý bảo trì thi công và nghiệm thu.

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về chế độ chính sách, định mức, định ngạch kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, bảo trì; xử lý sự cố công trình xảy ra trong quá trình khai thác.

4. Thanh tra Sở

a) Lập kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện; xử lý các vi phạm theo quy định pháp luật đối với Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu bảo trì, các tổ chức, cá nhân vi phạm trong công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

b) Trong trường hợp Ban Quản lý bảo trì phối hợp với chính quyền địa phương xử lý vi phạm công trình giao thông, hành lang an toàn giao thông; tình trạng xe quá khổ, quá tải không đạt kết quả; trên cơ sở báo cáo, đề nghị của Ban quản lý bảo trì, phòng Quản lý giao thông tham mưu Lãnh đạo Sở có ý kiến đề Thanh tra Sở tiếp nhận các hồ sơ, hình ảnh vi phạm từ Ban Quản lý bảo trì để chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương xử lý vi phạm hành chính các trường hợp vi phạm và theo dõi việc chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân vi phạm đến khi kết thúc sự việc.

c) Kiểm tra, thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông có thể dẫn đến hậu quả gây tai nạn giao thông, phá hoại công trình (đào đường tạo nên hố sâu; xe quá tải đi vào cầu yếu; xe vận chuyển rơi vãi bùn đất, chất thải trơn dính; v.v) khi nhận được thông tin bằng mọi hình thức (trực tiếp, điện thoại, tin nhắn v.v.) của Lãnh đạo Sở, Ban Quản lý bảo trì; các thông tin chính xác của nhà thầu, các tổ chức, cá nhân, kể cả ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ.

d) Thông báo số điện thoại đường dây nóng của Thanh tra Sở, của Đội trưởng phụ trách tuyến gửi Ban Quản lý bảo trì, các đơn vị quản lý đường bộ để thuận lợi cho công tác phối hợp xử lý.

e) Tổng hợp kết quả xử lý vi phạm hành chính trong công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông báo cáo Sở (qua phòng Quản lý giao thông) vào ngày 20 hàng tháng, đồng thời gửi Ban Quản lý bảo trì để tổng hợp báo cáo cấp thẩm

quyền và phối hợp giải quyết tồn tại; riêng tháng 12 báo cáo tổng hợp cả năm trước ngày 20 kèm theo ý kiến nhận xét, đánh giá sự phối hợp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ban Quản lý bảo trì, các nhà thầu bảo trì, các địa phương trong công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông; nêu rõ nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý đối với các tồn tại.

5. Ban Quản lý bảo trì

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên. Căn cứ định mức, nguồn vốn được giao, lập kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, kế hoạch đấu thầu báo cáo Sở Giao thông vận tải; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu; ký kết hợp đồng với nhà thầu, thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền của Sở Giao thông vận tải; quản lý thực hiện hợp đồng của nhà thầu; quản lý và sử dụng các nhà, đất cung, hạt giao thông; hàng năm tổ chức tổng kết công tác bảo trì để rút kinh nghiệm và triển khai nhiệm vụ mới.

b) Thực hiện công tác giám sát, tuần kiểm; bố trí đủ cán bộ giám sát, tuần kiểm trên tuyến phù hợp với quy mô, yêu cầu của hoạt động quản lý, bảo dưỡng thường xuyên. Cán bộ giám sát, tuần kiểm phải thực hiện kiểm tra tối thiểu trên tuyến được giao quản lý 01 lần/tuần, ghi nhật ký tuần kiểm theo quy định; kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện của nhà thầu; kiểm tra, giám sát các đơn vị thi công công trình thiết yếu theo Giấy phép thi công; tham gia nghiệm thu hoàn thành công trình thiết yếu.

c) Chủ trì, tổ chức nghiệm thu bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng với nhà thầu; xác định khối lượng thực hiện quý tiếp theo đối với gói thầu thực hiện theo khối lượng thực tế; chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý giao thông nghiệm thu tháng thứ ba của quý, xác định khối lượng thực hiện quý tiếp theo; thanh toán hàng quý cho nhà thầu theo giá trị nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu.

Trường hợp trong quá trình thực hiện gói thầu thực hiện theo khối lượng thực tế có khối lượng điều chỉnh, bổ sung, báo cáo Sở và phối hợp với phòng Thẩm định KHKT để duyệt điều chỉnh, bổ sung khối lượng, dự toán quý, năm làm cơ sở thi công và nghiệm thu.

d) Tổ chức lập, quản lý các tài liệu, số liệu công trình giao thông, hành lang an toàn giao thông; cập nhật hồ sơ công trình trong quá trình quản lý, khai thác, bảo trì; theo dõi, cập nhật tình hình quản lý, khai thác, hư hỏng, xuống cấp công trình; cập nhật, thống kê tài sản kết cấu hạ tầng công trình giao thông; ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý công trình giao thông, công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên (phần mềm GovOne, VBMS...)

e) Tiếp nhận, lưu trữ tại kho lưu trữ của Ban Quản lý bảo trì (thay cho lưu trữ tại kho của Sở) các tài liệu gốc của hồ sơ công trình; tài liệu về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình; yêu cầu các đơn vị liên quan cung cấp và lưu file PDF hồ sơ công trình; báo cáo, cung cấp số liệu, hồ sơ công trình cho phòng chuyên môn Sở và cơ quan chức năng khi Lãnh đạo Sở yêu cầu.

g) Chỉ đạo nhà thầu quản lý tuyến lập biên bản các vi phạm quy định bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, ghi lại các hình ảnh vi phạm (vi phạm công trình giao thông, hành lang an toàn, tải trọng xe) để làm việc với chính quyền địa phương (huyện, xã) ngăn chặn, xử lý kịp thời theo thẩm quyền của địa phương. Trường hợp chính quyền địa phương không giải quyết hoặc giải quyết không đạt yêu cầu, chủ trì làm việc với chính quyền địa phương xử lý (có biên bản làm việc); nếu chính quyền địa phương không giải quyết hoặc giải quyết không đạt yêu cầu, Ban Quản lý bảo trì báo cáo Sở Giao thông vận tải, phòng Quản lý giao thông tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo Thanh tra Sở tiếp nhận hồ sơ vi phạm để xử lý vi phạm hành chính.

h) Chỉ đạo nhà thầu quản lý tuyến thực hiện ngay các biện pháp cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông; ngăn chặn theo thẩm quyền các vi phạm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là gây tai nạn giao thông, phá hoại công trình (đào đường tạo nên hố lớn, sâu; tạo nên các chướng ngại vật; xe quá tải đi vào cầu yếu; xe vận chuyển rơi vãi bùn đất, chất thải trơn dính; v.v) khi nhận được thông tin của các tổ chức, cá nhân; kể cả ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ. Báo cáo kịp thời Lãnh đạo Sở, Thanh tra Sở, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khác bằng mọi hình thức (trực tiếp, điện thoại, tin nhắn v.v.) để phối hợp xử lý.

i) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình trạng công trình, bảo vệ hành lang an toàn giao thông, số liệu đếm xe, số liệu tai nạn giao thông; thiệt hại thiên tai, điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; cập nhật tình hình ngập lụt, sạt lở trên các tuyến đường v.v. đảm bảo thời gian quy định gửi về Sở Giao thông vận tải (qua phòng Quản lý giao thông), kèm theo dự thảo cho Sở báo cáo cấp thẩm quyền. Riêng tháng 12 báo cáo tổng hợp cả năm gửi về Sở trước ngày 20 kèm theo ý kiến nhận xét, đánh giá sự phối hợp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà thầu bảo trì, các địa phương trong công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông; nêu rõ nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý đối với các tồn tại; phòng Quản lý Giao thông xem xét, tổng hợp tham mưu Lãnh đạo Sở báo cáo cấp thẩm quyền.

6. Công tác nghiệm thu

a) Ban Quản lý bảo trì chủ trì nghiệm thu bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng với nhà thầu; xác định khối lượng cần phải thực hiện quý tiếp theo đối với các gói thầu theo khối lượng thực tế; phối hợp với phòng Quản lý giao thông nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên vào tháng thứ ba của quý và xác định khối lượng cần phải thực hiện quý tiếp theo .

b) Tài liệu phục vụ nghiệm thu

- Các quy định pháp luật về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

- Hợp đồng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện; biên bản nghiệm thu hàng tháng giữa Ban Quản lý bảo trì và nhà thầu; các tài liệu, số liệu liên quan khác.

- Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu nội bộ của nhà thầu.

c) Thời gian nghiệm thu: từ ngày 25 hàng tháng đến ngày 2 của tháng kế tiếp.

d) Thành phần nghiệm thu:

- Ban Quản lý bảo trì: Lãnh đạo Ban; phòng chuyên môn;

- Phòng Quản lý giao thông (tham gia tháng thứ 3 của quý): Lãnh đạo phòng, chuyên viên phụ trách

- Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc; Hạt trưởng, Trạm trưởng)

e) Nội dung nghiệm thu:

- Hội đồng nghiệm thu kiểm tra, nghiệm thu trên tuyến và hồ sơ nội nghiệp: căn cứ vào hợp đồng, hình thức thực hiện bảo dưỡng thường xuyên (theo chất lượng thực hiện, theo khối lượng thực tế); tiêu chí giám sát, nghiệm thu; kết quả kiểm tra, nghiệm thu hàng tuần của cán bộ giám sát, tuần kiểm để kiểm tra toàn bộ hay một phần các tuyến, chiều dài tuyến, công trình trên tuyến, hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và hồ sơ nội nghiệp của các gói thầu; kết quả kiểm tra, nghiệm thu phải đảm bảo tính chính xác, tính toàn diện của công tác bảo dưỡng thường xuyên.

- Biên bản nghiệm thu được các thành phần tham gia Hội đồng nghiệm thu thống nhất, hoàn thành trước ngày 05 của tháng kế tiếp; kết quả kỳ nghiệm thu các tháng trong quý là cơ sở để Ban Quản lý bảo trì và nhà thầu lập hồ sơ thanh toán. Mẫu biên bản nghiệm thu tháng theo **Phụ lục 1** (đối với đường bộ), **Phụ lục 1a** (đối với đường thủy nội địa); nghiệm thu tháng thứ ba của quý theo **Phụ lục 2** (đối với đường bộ), **Phụ lục 2a** (đối với đường thủy nội địa)

- Đối với các tồn tại được xác định khi nghiệm thu, ngoài việc bị khấu trừ kinh phí theo hợp đồng (trừ các tồn tại có lý do khách quan bất khả kháng), nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên có trách nhiệm tổ chức khắc phục ngay các tồn tại với thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày kiểm tra nghiệm thu. Ban Quản lý bảo trì có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu bằng biên bản (kèm theo hình ảnh), làm tài liệu để xem xét kết quả nghiệm thu tháng tiếp theo.

- Ban Quản lý bảo trì phải chỉ đạo nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo mới tổ chức nghiệm thu. Trường hợp Ban Quản lý bảo trì mời nghiệm thu tháng thứ ba của quý (có thành phần phòng Quản lý giao thông) nhưng còn nhiều tồn tại, không đảm bảo phần lớn tiêu chí, chất lượng, khối lượng so với hợp đồng (trừ các tồn tại có lý do khách quan bất khả kháng), ngoài việc khấu trừ kinh phí, Hội đồng nghiệm thu ghi rõ vào biên bản nghiệm thu, làm cơ sở đánh giá, xử lý trách nhiệm Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu và các cá nhân liên quan. Trường hợp các thành phần nghiệm thu có ý kiến khác nhau, phòng Quản lý giao thông và Ban Quản lý bảo trì báo cáo Lãnh đạo Sở để thống nhất.

- Khi có khối lượng cần điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện bảo dưỡng thường xuyên, Ban Quản lý bảo trì chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý giao thông xác định khối lượng điều chỉnh, bổ sung và lập dự toán điều chỉnh; báo cáo Sở và phối hợp với phòng Thẩm định KHKT để thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, làm cơ sở thi công và nghiệm thu thanh toán theo quy định.

7. Thanh toán, quyết toán

a) Phòng Kế hoạch tài chính

- Giao dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và quyết toán nguồn kinh phí theo quy định.

- Tham mưu Giám đốc Sở chấp thuận giải ngân nguồn kinh phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý bảo trì.

b) Ban Quản lý bảo trì

- Thanh toán kinh phí bảo dưỡng thường xuyên cho nhà thầu theo từng quý sau khi được Hội đồng nghiệm thu và được Lãnh đạo Sở chấp thuận giải ngân. Thời gian thanh toán cho nhà thầu trước ngày 20 của tháng đầu quý kế tiếp.

- Lập, trình cấp thẩm quyền duyệt quyết toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định.

Điều 5. Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất

1. Công tác chuẩn bị đầu tư

a) Phòng Kế hoạch tài chính

- Chủ trì rà soát, tổng hợp danh mục sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất trên cơ sở danh mục đề xuất của Ban Quản lý bảo trì và phòng Quản lý giao thông; báo cáo cấp thẩm quyền đảm bảo thời gian quy định.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở đấu nối với các cơ quan chuyên môn của Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường thủy Việt Nam, UBND tỉnh và các cơ quan trung ương, địa phương để lập, trình duyệt kế hoạch; danh mục sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư công trình.

b) Phòng Quản lý giao thông

- Trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý bảo trì, phối hợp với phòng Thẩm định KHKT tổ chức kiểm tra hiện trường, xác định nhu cầu sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; nêu rõ tình trạng hư hỏng, giải pháp sửa chữa, kinh phí khái toán, thời gian thực hiện và xác định thứ tự ưu tiên phù hợp với thực tế khai thác tuyến đường; Các vị trí đề xuất sửa chữa phải kèm theo ảnh, hồ sơ bảo trì và các số liệu, tài liệu liên quan; phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính báo cáo Lãnh đạo Sở trước thời

gian quy định báo cáo cấp thẩm quyền (Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh) là 30 ngày.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý bảo trì, các đơn vị liên quan xác định, lập hồ sơ xử lý vị trí nguy hiểm trên các tuyến đường (điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông); báo cáo Lãnh đạo Sở chủ trương xử lý; phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính báo cáo cấp thẩm quyền.

c) Phòng Thẩm định KHKT

- Phối hợp với phòng Quản lý giao thông, Ban Quản lý bảo trì tổ chức kiểm tra hiện trường, tổng hợp nhu cầu sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

- Thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, báo cáo kinh tế kỹ thuật; nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát thiết kế trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu hồ sơ phải trả lại bổ sung thì tổng thời gian thẩm định không quá 10 ngày và trả lại hồ sơ không quá 01 lần. Trường hợp Ban Quản lý bảo trì, đơn vị tư vấn thực hiện không đảm bảo thời gian thì lập biên bản làm rõ trách nhiệm, báo cáo Lãnh đạo Sở.

d) Ban Quản lý bảo trì

- Căn cứ định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật, tình trạng công trình, nguồn vốn được giao và các quy định hiện hành, lập kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng năm, đề xuất công trình sửa chữa đột xuất, nêu rõ tình trạng hư hỏng, giải pháp sửa chữa, kinh phí khái toán, thời gian thực hiện và xác định thứ tự ưu tiên phù hợp với thực tế khai thác tuyến đường; đối với các công trình sửa chữa là điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ tai nạn giao thông theo quy định, xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông; phối hợp với phòng Quản lý giao thông, phòng Thẩm định KHKT, phòng Kế hoạch tài chính kiểm tra, rà soát, báo cáo Lãnh đạo Sở đảm bảo thời gian quy định. Các vị trí đề xuất sửa chữa phải kèm theo ảnh, hồ sơ bảo trì và các số liệu, tài liệu liên quan.

- Sau khi có quyết định của Sở giao quản lý dự án, triển khai lập nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, hoặc xác định chủ trương, giải pháp kỹ thuật sửa chữa; phối hợp với phòng Thẩm định KHKT trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.

- Ký kết hợp đồng với nhà thầu tư vấn khảo sát thiết kế lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật; hoàn thành việc ký hợp đồng không quá 03 ngày sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn.

- Phê duyệt (hoặc chấp thuận) phương án kỹ thuật và báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của tư vấn; giám sát công tác khảo sát, nghiệm thu kết quả khảo sát và kiểm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật; thời gian kiểm tra hồ sơ không quá 03 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của đơn vị tư vấn. Trường hợp phải trả lại hồ sơ để bổ sung, tổng thời gian kiểm tra không quá 05 ngày và trả lại hồ sơ không

quá 01 lần. Trường hợp đơn vị tư vấn thực hiện không đảm bảo thời gian thì lập biên bản, báo cáo Lãnh đạo Sở.

- Trình Sở Giao thông vận tải (qua phòng Thẩm định KHKT) thẩm định, phê duyệt hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; tờ trình ngoài nội dung dự án, phải có báo cáo cụ thể kết quả xem xét, kiểm tra hồ sơ, kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định. Sau khi có tờ trình hoặc kết quả thẩm định hồ sơ của Sở, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng đến nhà thầu tư vấn.

2. Thực hiện đầu tư

a) Phòng Kế hoạch tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định và trình cấp thẩm quyền duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng, nhà thầu tư vấn giám sát thi công.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở giao kế hoạch chi, chấp thuận giải ngân nguồn kinh phí dự án trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý bảo trì.

b) Phòng Quản lý giao thông

- Cấp phép, thỏa thuận thời gian thi công và biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công của nhà thầu thi công.

- Chủ trì cùng Ban Quản lý bảo trì nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng; thời gian không quá 05 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ báo cáo, đề nghị của Ban Quản lý bảo trì và hồ sơ hoàn công theo quy định; mẫu biên bản nghiệm thu theo **Phụ lục 4**; thành phần gồm:

- + Phòng Quản lý giao thông (chủ trì);
- + Phòng Thẩm định KHKT (khi Lãnh đạo Sở yêu cầu);
- + Ban Quản lý bảo trì;
- + Tư vấn giám sát;
- + Tư vấn thiết kế (tham gia theo yêu cầu của chủ đầu tư);
- + Nhà thầu thi công;
- + Nhà thầu được giao quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

c) Phòng Thẩm định KHKT

- Cử thành viên tham gia: Tổ tư vấn xét thầu, tổ thẩm định kết quả đấu thầu; hội đồng nghiệm thu công trình hoàn thành, nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng (khi có yêu cầu); đoàn kiểm tra công tác quản lý chất lượng, công tác quản lý dự án, giám sát, nghiệm thu, tiến độ, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Giải quyết các bất hợp lý giữa hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công với thực tế hiện trường, đưa ra biện pháp khắc phục; theo dõi, đôn đốc tiến độ thi công, chất lượng công trình.

- Trên cơ sở quy mô, tính chất công trình, lựa chọn các công trình cần kiểm tra để xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng công trình; phối hợp với Ban Quản lý bảo trì tổ chức kiểm tra chất lượng công trình, công tác quản lý dự án, giám sát, nghiệm thu, tiến độ, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của Ban Quản lý bảo trì và nhà thầu; tổ chức kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu hoặc kết hợp các kỳ kiểm tra khác của Sở; tham mưu Lãnh đạo Sở ra thông báo kết quả kiểm tra.

d) Ban Quản lý bảo trì:

- Triển khai thực hiện các công việc theo nhiệm vụ Sở Giao thông vận tải giao và theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, gồm: lựa chọn nhà thầu; giám sát; nghiệm thu các hạng mục công trình hoàn thành; nghiệm thu công trình hoàn thành, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết vướng mắc mặt bằng thi công.

- Xây dựng quy định về công tác quản lý chất lượng của Ban Quản lý bảo trì; bố trí tư vấn giám sát, cán bộ quản lý dự án triển khai thi công dự án đảm bảo các nội dung theo hợp đồng bao gồm: ngày khởi công; thiết bị, vật liệu, nhân lực đưa vào thi công; công tác đảm bảo giao thông, an toàn giao thông khi thi công, v.v ; có hình thức xử lý giám sát, cán bộ quản lý dự án thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ để xảy ra các trường hợp thi công chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng v.v... do nguyên nhân chủ quan mà không có biện pháp, báo cáo; hoặc bị Sở Giao thông vận tải, các cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện.

- Bàn giao cho nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình 01 bộ hồ sơ thiết kế công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất để tham gia giám sát chất lượng thi công công trình; trong Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, phải ghi rõ ý kiến của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình nhận xét về chất lượng thi công công trình, đồng ý hay không đồng ý tiếp nhận bàn giao.

- Chủ trì nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu hoàn thành công trình; mẫu biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng theo **Phụ lục 3**; hoàn thiện thủ tục đầu tư, hồ sơ hoàn công công trình, các tài liệu liên quan khác và lưu trữ hồ sơ theo quy định; báo cáo, đề nghị Sở Giao thông vận tải nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, trong báo cáo nêu rõ các tồn tại, mức độ ảnh hưởng đến khai thác, ý kiến đề xuất; phối hợp với phòng Quản lý giao thông kiểm tra hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan trước khi nghiệm thu.

- Báo cáo, đề nghị Sở Giao thông vận tải duyệt kế hoạch chi, chấp thuận giải ngân, thực hiện thanh toán cho các nhà thầu.

3. Kết thúc đầu tư

a) Phòng Kế hoạch tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý bảo trì và các đơn vị liên quan quyết toán nguồn vốn của dự án.

- Tham mưu Giám đốc Sở chấp thuận giải ngân nguồn kinh phí dự án sau khi hết thời hạn bảo hành, có biên bản nghiệm thu hết bảo hành công trình, trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý bảo trì.

b) Phòng Quản lý giao thông

Sau khi Ban Quản lý bảo trì có văn bản báo cáo Sở đủ điều kiện xác nhận hết bảo hành công trình, trong thời gian không quá 05 ngày kể từ khi nhận được báo cáo, tài liệu liên quan của Ban Quản lý bảo trì theo quy định, phòng Quản lý giao thông tham mưu Lãnh đạo Sở xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình.

c) Ban Quản lý bảo trì

- Sau khi tiếp nhận công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, trong thời gian bảo hành công trình, Ban Quản lý bảo trì phải thường xuyên kiểm tra, yêu cầu nhà thầu sửa chữa, khắc phục các hư hỏng kịp thời, triệt để, không làm ảnh hưởng đến tuổi thọ công trình, an toàn giao thông.

- Trước khi hết thời hạn bảo hành công trình, chủ trì tổ chức kiểm tra hiện trường, yêu cầu các nhà thầu (nhà thầu xây dựng, nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng thiết bị) khắc phục, sửa chữa các hư hỏng thuộc trách nhiệm của mỗi bên. Đến thời hạn hết bảo hành công trình, tổ chức nghiệm thu hoàn thành bảo hành công trình; báo cáo Sở Giao thông vận tải đề nghị xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình. Trường hợp công trình không đủ điều kiện xác nhận hết bảo hành công trình, báo cáo Sở và kiến nghị xử lý. Mẫu biên bản nghiệm thu hoàn thành bảo hành công trình theo **Phụ lục 5**, thành phần tham gia gồm:

- + Ban Quản lý bảo trì;
- + Nhà thầu thi công xây dựng công trình;
- + Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình.

- Thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán, các báo cáo tài chính của dự án đảm bảo mốc thời gian và các quy định hiện hành, báo cáo Sở Giao thông vận tải; phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính để thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán, các báo cáo tài chính với cấp thẩm quyền.

Điều 6. Công tác Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

1. Xây dựng phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

a) Phòng Quản lý giao thông tham mưu Giám đốc Sở kiện toàn Ban chỉ huy, lập kế hoạch, phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hàng năm của Sở.

b) Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu bảo trì thành lập Ban chỉ huy, xây dựng kế hoạch, phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hàng năm; gồm các nội dung: bố trí nhân lực, phương tiện, thiết bị, xe máy trên công trình; vật tư dự phòng; thông tin liên lạc, phân luồng giao thông và các điều kiện cần thiết khác để sẵn sàng ứng phó với thiên tai, đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn trong mọi tình huống.

2. Khi thiên tai xảy ra

Khi thiên tai xảy ra, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu bảo trì tổ chức lực lượng thường trực 24/24h để triển khai thực hiện phương án ứng phó kịp thời.

a) Phòng Quản lý giao thông:

- Thường trực công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Sở; tham mưu kịp thời công tác chỉ đạo; tổng hợp số liệu thiệt hại từ Ban Quản lý bảo trì và các đơn vị liên quan; lập báo cáo định kỳ, đột xuất gửi cơ quan thẩm quyền theo quy định.

- Báo cáo cấp thẩm quyền công bố quyết định tình huống khẩn cấp, kết thúc tình huống khẩn cấp.

b) Ban Quản lý bảo trì:

Chỉ đạo cán bộ giám sát bám sát hiện trường, kiểm tra, nắm bắt tình hình cụ thể trên công trình; chỉ đạo các lực lượng của Ban và nhà thầu bảo trì thực hiện phương án trực gác, phân luồng, khắc phục bảo đảm giao thông; tổng hợp tình hình, thiệt hại, báo cáo thường xuyên, đột xuất về Sở Giao thông vận tải và cơ quan thẩm quyền.

c) Chế độ báo cáo:

- Báo cáo định kỳ trong những ngày thiên tai xảy ra:

Ban Quản lý bảo trì tổng hợp báo cáo về phòng Quản lý giao thông hàng ngày: Lần 1 trước 10h ; lần 2 trước 15h30'

- Báo cáo đột xuất: Khi có sự cố bất thường, thiệt hại nặng do thiên tai gây ra cần phải xử lý cấp bách hoặc khi cơ quan thẩm quyền yêu cầu báo cáo đột xuất, Ban Quản lý bảo trì chủ trì, cùng nhà thầu bảo trì tổng hợp số liệu kịp thời, báo cáo Sở Giao thông vận tải (qua phòng Quản lý giao thông) và các cơ quan liên quan.

- Trường hợp mất thông tin liên lạc dài ngày: Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu bảo trì phải liên hệ với chính quyền địa phương, cơ quan quân đội, công an hoặc các cơ quan, cá nhân khác trên địa bàn để liên lạc bằng mọi hình thức (các loại phương tiện thông tin, điện tín, thư tay, người liên lạc...), báo cáo về Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan.

3. Ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

Trên cơ sở tình hình thiên tai, các phòng chuyên môn Sở, Thanh tra Sở, Ban Quản lý bảo trì có trách nhiệm tham mưu, khẩn trương triển khai thực hiện công tác thi công công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông. Các công trình thuộc dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai thì thực hiện thủ tục đầu tư theo trình tự, quy định hiện hành.

a) Phòng Kế hoạch tài chính:

- Tham mưu giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn, Ban Quản lý bảo trì, đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công triển khai thi công công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông.

- Báo cáo cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, bố trí nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông.

b) Phòng Quản lý giao thông

- Chỉ đạo công tác bảo đảm giao thông, phân luồng giao thông, an toàn giao thông trên tuyến.

- Chủ trì, phối hợp phòng Thẩm định KHKT, Ban Quản lý bảo trì, Tư vấn thiết kế, nhà thầu quản lý tuyến đi kiểm tra hiện trường, xác định sơ bộ phương án khắc phục hậu quả thiên tai ngay sau khi có quyết định giao nhiệm vụ của Lãnh đạo Sở; báo cáo Lãnh đạo Sở kết quả kiểm tra, sơ bộ phương án khắc phục không quá 01 ngày sau khi đi hiện trường về.

- Chủ trì, phối hợp phòng Thẩm định KHKT, Ban Quản lý bảo trì báo cáo cấp thẩm quyền chấp thuận phương án xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông để triển khai thực hiện (bằng Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác);

- Tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền tiến độ, kết quả công tác khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông trên cơ sở báo cáo của Ban Quản lý bảo trì.

c) Phòng Thẩm định KHKT

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý bảo trì, Tư vấn thiết kế tham mưu Lãnh đạo Sở phương án xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai trong thời gian không quá 02 ngày kể từ ngày đi xác định tại hiện trường về.

- Theo dõi, đôn đốc Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu thi công triển khai thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng theo phương án xử lý đã được chấp thuận; tham mưu điều chỉnh phương án xử lý phù hợp với thực tế hiện trường.

- Soát xét hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông của Ban Quản lý bảo trì để trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Thời gian soát xét không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu hồ sơ phải trả lại bổ sung thì tổng thời gian không quá 08 ngày và trả lại hồ sơ không quá 01 lần. Trường hợp Ban Quản lý bảo trì, đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công thực hiện không đảm bảo thời gian thì lập biên bản làm rõ trách nhiệm, báo cáo Lãnh đạo Sở.

- Phối hợp cùng với Ban Quản lý bảo trì trình cấp thẩm quyền phê duyệt Hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1.

d) Thanh tra Sở

Phối hợp với Ban Quản lý bảo trì, nhà thầu, chính quyền địa phương thực hiện phân luồng giao thông, đảm bảo trật tự an toàn giao thông tại vị trí tắc nghẽn giao thông khi xảy ra hậu quả thiên tai.

e) Ban Quản lý bảo trì

- Ngay sau khi xảy ra thiệt hại do thiên tai, cử các tổ công tác kiểm tra hiện trường xác định thiệt hại, ghi nhận thiệt hại bằng hình ảnh; đề xuất phương án khắc phục, có xác nhận của chính quyền địa phương theo quy định, báo cáo Sở Giao thông vận tải; tham gia các đoàn công tác của Sở xác định thiệt hại, phương án khắc phục thiệt hại. Mẫu Biên bản xác minh thiệt hại theo **Phụ lục 6** kèm theo.

- Chủ trì tổ chức thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai: Bố trí cán bộ quản lý, giám sát (và các nhân sự quản lý, giám sát khác khi cần thiết) thường trực trên tuyến; chỉ đạo nhà thầu bảo trì triển khai thực hiện công tác trực gác, phân luồng giao thông, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn trong mọi tình huống; tổ chức thi công, nghiệm thu hạng mục công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, đảm bảo giao thông trong thời gian sớm nhất.

- Tổng hợp khối lượng, tiến độ, kết quả thi công công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông báo cáo Sở Giao thông vận tải (qua phòng Quản lý giao thông) trước 15h thứ Sáu hàng tuần; đồng thời báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

- Chủ trì tổ chức lập, soát xét, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông; lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

g) Nghiệm thu công trình hoàn thành; nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông:

- Ban Quản lý bảo trì chủ trì nghiệm thu công trình hoàn thành, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng theo **Phụ lục 3a**.

- Phòng Quản lý giao thông chủ trì nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông, phối hợp với phòng Thẩm định KHKT, Ban Quản lý bảo trì thực hiện như quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quy định này; mẫu biên bản nghiệm thu theo **Phụ lục 4a**.

Điều 7. Công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông do Sở GTVT được giao quản lý

1. Phòng Kế hoạch tài chính

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng xe buýt và tài sản công trình giao thông khác) do Sở Giao thông vận tải quản lý theo quy định của pháp luật về kế toán tài sản nhà nước trên cơ sở sổ liệu báo cáo của phòng Quản lý giao thông, Ban Quản lý bảo trì.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình tăng, giảm, hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng năm; xử lý tài sản (thu hồi, điều chuyển, thanh lý...) theo quy định trên cơ sở sổ liệu báo cáo của phòng Quản lý giao thông, Ban Quản lý bảo trì.

2. Phòng Quản lý giao thông

- Phối hợp với Ban Quản lý bảo trì rà soát sổ liệu (tăng, giảm) hàng năm của tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (tài sản hạ tầng đường bộ, tài sản hạ tầng đường thủy nội địa, tài sản hạ tầng xe buýt và các tài sản công trình giao thông khác) do Sở Giao thông vận tải quản lý.

- Phối hợp với Ban Quản lý bảo trì kiểm tra, đề xuất danh mục tài sản cần xử lý, phương án xử lý trên cơ sở báo cáo của Ban Quản lý bảo trì.

3. Ban Quản lý bảo trì

a) Thực hiện công tác quản lý tài sản (mở sổ theo dõi, tổng hợp sổ liệu; báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản; xử lý tài sản) kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó có quản lý, sử dụng các nhà, đất cung, hạt giao thông, được giao quản lý theo quy định.

b) Chủ trì rà soát tình hình tăng, giảm, xử lý tài sản hàng năm; phối hợp với phòng Quản lý giao thông và các phòng (khi cần theo chỉ đạo của Lãnh đạo Sở) Thẩm định KHKT, Kế hoạch tài chính kiểm tra, xử lý tài sản, phương án xử lý (thu hồi, điều chuyển, thanh lý...) báo cáo Sở Giao thông vận tải qua phòng Kế hoạch tài chính để theo dõi, tổng hợp, xử lý.

c) Lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (tài sản hạ tầng đường bộ, tài sản hạ tầng đường thủy nội địa, tài sản hạ tầng xe buýt và các tài sản công trình giao thông khác) được giao quản lý.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo nhiệm vụ được giao; báo cáo kê khai và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông trên hệ thống trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính hàng năm theo quy định.

Chương III

QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 8. Xây dựng đề án, kế hoạch, cơ chế chính sách

1. Phòng Kế hoạch tài chính

Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý vận tải, Ban Quản lý bảo trì lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt hàng năm trên địa bàn tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt; phân bổ kinh phí sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Phòng Quản lý vận tải

a) Chủ trì phối hợp với Phòng Kế hoạch tài chính, Ban Quản lý bảo trì và các, phòng, đơn vị có liên quan xây dựng đề án, kế hoạch; xây dựng chính sách hỗ trợ của nhà nước khuyến khích phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Quản lý giao thông và Ban Quản lý bảo trì nghiên cứu định hướng phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

c) Trên cơ sở đề xuất, báo cáo của Ban Quản lý bảo trì về việc xây dựng, điều chỉnh (khi cần thiết): Khung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; định mức đơn giá, giá vé đối với tuyến xe buýt được nhà nước trợ giá, giao Phòng Quản lý vận tải chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch tài chính, Quản lý giao thông và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, xác định số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với danh mục phương tiện đầu tư mới phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách khác (nếu có).

3. Ban Quản lý bảo trì

a) Kiểm tra, xác nhận, báo cáo số liệu sản lượng hành khách (gồm vé lượt, vé tháng đối với từng tuyến xe buýt theo tháng, quý, năm); báo cáo giám sát hoạt động và các tài liệu có liên quan phục vụ xây dựng các đề án, kế hoạch, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Phòng Quản lý vận tải khảo sát, đánh giá nhu cầu đi lại của người dân và đề nghị của doanh nghiệp đăng ký khai thác tuyến để khảo sát xây dựng, điều chỉnh bổ sung danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng, đề xuất kế hoạch và dự toán kinh phí cho công tác quản lý, giám sát hoạt động xe buýt và kinh phí chính sách (*hỗ trợ khai thác tuyến và trợ giá xe buýt*) định kỳ hàng năm trình Sở Giao thông vận tải xem xét báo cáo UBND tỉnh.

d) Chủ trì xây dựng, điều chỉnh (khi cần thiết): Khung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; định mức đơn giá, giá vé đối với tuyến xe buýt được nhà nước trợ giá báo cáo Sở GTVT đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

e) Nghiên cứu đề xuất áp dụng các công nghệ thông tin trong công tác quản lý và trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 9. Tổ chức đấu thầu, đặt hàng, ký hợp đồng khai thác tuyến, công bố mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Phòng Kế hoạch tài chính

Chủ trì, phối hợp phòng Quản lý vận tải tham mưu thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khai thác tuyến theo hình thức đấu thầu; tham mưu Lãnh đạo Sở ký hợp đồng với đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trúng thầu khai thác tuyến.

2. Phòng Quản lý vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch tài chính, Ban Quản lý bảo trì tổ chức lựa chọn đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hình thức đặt hàng; tham mưu Lãnh đạo Sở ký hợp đồng với đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được lựa chọn khai thác tuyến.

b) Công bố mở tuyến mới được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ, hành trình chạy xe trên tuyến; ngừng khai thác, đóng tuyến khai thác; bổ sung xe, thay thế xe khai thác trên tuyến; thẩm định giá vé theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ban Quản lý bảo trì

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định; trình Sở Giao thông vận tải (qua phòng Kế hoạch tài chính) xem xét, quyết định kết quả lựa chọn.

- Kiểm tra, khảo sát, đề xuất phương án mở mới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 10. Xây dựng, điều chỉnh vị trí điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng đỗ

Phòng Quản lý vận tải chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý bảo trì và các đơn vị liên quan xác định vị trí xây dựng điểm đầu, điểm cuối tuyến, điểm dừng đỗ trên tuyến; xem xét điều chỉnh vị trí điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng đỗ theo yêu cầu hoặc khi có kiến nghị của các tổ chức, cá nhân.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát

1. Phòng Quản lý vận tải

a) Cung cấp phương án khai thác tuyến, hợp đồng khai thác tuyến và các tài liệu có liên quan đối với tuyến xe vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trúng thầu hoặc tuyến xe được Sở Giao thông vận tải đặt hàng cung ứng dịch vụ khai thác tuyến làm cơ sở cho Ban Quản lý bảo trì xây dựng kế hoạch quản lý, giám sát hoạt động.

b) Phối hợp với Thanh tra Sở thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đề xuất, kiến nghị của Ban Quản lý bảo trì.

c) Theo dõi, kiểm tra công tác giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của Ban Quản lý bảo trì.

d) Trên cơ sở báo cáo kết quả giám sát hoạt động xe buýt hàng tháng của Ban Quản lý bảo trì, tham mưu cho Lãnh đạo Sở có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh, xử lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã vi phạm quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

e) Tổng hợp, báo cáo hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Thanh tra Sở

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý vận tải, Ban Quản lý bảo trì thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất (khi có yêu cầu) hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được đặt hàng (hoặc trúng thầu) khai thác tuyến.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý bảo trì thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất, xử lý vi phạm theo quy định đối với đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, lái xe, nhân viên phục vụ, hành khách đi trên xe vi phạm quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; báo cáo Giám đốc Sở kết quả kiểm tra, xử lý; đồng thời thông tin kết quả kiểm tra, xử lý về Ban Quản lý bảo trì để biết và phối hợp.

3. Ban Quản lý bảo trì

a) Xây dựng dự toán hàng năm, hàng quý kinh phí quản lý, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt báo cáo Sở Giao thông vận tải.

b) Quản lý, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hợp đồng và phương án đã được phê duyệt, bao gồm các nội dung:

- Tần suất, số chuyến, lượt; giờ mở bến, đóng bến.
- Phương tiện: Chất lượng, vệ sinh phương tiện, thông tin bắt buộc phải niêm yết trên phương tiện theo quy định; hoạt động của điều hòa khi xe chạy.
- Giá vé: Việc kê khai, niêm yết giá vé; việc thực hiện theo giá niêm yết.
- Thái độ phục vụ của lái xe, nhân viên bán vé trên xe.
- Giám sát lộ trình, tốc độ của phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình.
- Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của điểm đầu, điểm cuối tuyến; điểm dừng đón trả khách, nhà chờ, biển báo, vạch dừng xe buýt.
- Giám sát chất lượng dịch vụ theo hợp đồng và cam kết của đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Giám sát chất lượng dịch vụ đối với tuyến xe buýt được nhà nước hỗ trợ kinh phí; lưu trữ biên bản giám sát và các hồ sơ có liên quan.

d) Công bố số điện thoại đường dây nóng; tiếp nhận, giải quyết, báo cáo các phản ánh, thông tin của người dân.

e) Xây dựng kế hoạch hàng tháng tiếp theo từ ngày 20 đến 25; phân công, bố trí cán bộ, nhân viên thực hiện công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng quy định; gửi Sở Giao thông vận tải kế hoạch giám sát hàng tháng trước khi thực hiện (qua Phòng Quản lý vận tải) để theo dõi.

g) Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát; định kỳ hoặc đột xuất có văn bản gửi Thanh tra Sở đề nghị xử lý theo quy định đối với đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, hành khách đi trên xe vi phạm quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (gửi kèm theo tài liệu minh chứng); đồng thời gửi Sở Giao thông vận tải (qua phòng Quản lý vận tải) để theo dõi.

h) Kịp thời có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt vi phạm quy định về dịch vụ chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Hợp đồng đã ký kết với Sở GTVT và các quy định khác có liên quan; đồng thời đề xuất, báo cáo Sở những nội dung vượt thẩm quyền và không giải quyết được (nếu có).

i) Hàng tháng, báo cáo Sở Giao thông vận tải (qua phòng Quản lý vận tải) trước ngày 05 của tháng kế tiếp kết quả quản lý và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của tháng trước đó.

k) Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), kết quả thực hiện công tác quản lý và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh hoặc những trường hợp vượt quá thẩm quyền xử lý.

Điều 12. Công tác lập dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán

1. Phòng Kế hoạch tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu duyệt dự toán, giao kinh phí, thanh toán, quyết toán kinh phí giám sát hoạt động xe buýt cho Ban Quản lý bảo trì và kinh phí chính sách (hỗ trợ khai thác tuyến và trợ giá xe buýt) theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý vận tải tham mưu Lãnh đạo Sở, phối hợp với Sở Tài chính, báo cáo UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm bố trí kinh phí cho công tác quản lý, giám sát hoạt động xe buýt và kinh phí chính sách (hỗ trợ khai thác tuyến và trợ giá xe buýt); tham mưu phân bổ kinh phí sau khi được UBND tỉnh giao vốn.

2. Phòng Quản lý vận tải

Phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính tham mưu chấp thuận giải ngân kinh phí trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý bảo trì, cụ thể:

- Kinh phí công tác quản lý và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Kinh phí chính sách hỗ trợ khai thác tuyến.

- Kinh phí chính sách trợ giá xe buýt.

3. Ban Quản lý bảo trì

a) Tổ chức lập hồ sơ khối lượng, các biên bản nghiệm thu, thanh toán công tác quản lý, giám sát hoạt động xe buýt và kinh phí chính sách (*hỗ trợ khai thác tuyến và trợ giá xe buýt*) phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán.

b) Sử dụng, thanh quyết toán kinh phí quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng và kinh phí chính sách (*hỗ trợ khai thác tuyến và trợ giá xe buýt*) theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng các phòng chuyên môn, Chánh Thanh tra Sở, Giám đốc Ban Quản lý bảo trì; Giám đốc các doanh nghiệp bảo trì công trình giao thông, đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các phòng chuyên môn, Thanh tra Sở, Ban Quản lý bảo trì theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác quản lý, bảo trì, hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt cho các doanh nghiệp bảo trì công trình giao thông, đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các đơn vị liên quan; đề xuất các hình thức khen thưởng, xử lý trách nhiệm.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị báo cáo, phản ánh về phòng Quản lý giao thông để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định số: 696../QĐ-SGTVT ngày 21.../.../...8 của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG (CHẤT LƯỢNG) THỰC HIỆN THÁNG ...

Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên quốc lộ (đường tỉnh)

Gói thầu số ...

1. Đối tượng nghiệm thu: Khối lượng (chất lượng) thực hiện công việc.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng QLBT.
- Ông: - Chức vụ: Tuần kiểm, Giám sát.

2.2. Đại diện Nhà thầu bảo trì (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Hạt trưởng (Trạm trưởng).

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường tuyến đường (gói thầu số ...)

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ hồ sơ sự thầu, Hợp đồng số .../.../HD-BDTX ngày .../.../20... giữa Ban QLBT ... và Công ty ... về việc thi công xây dựng công trình: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ... và các tài liệu kèm theo;

- Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ngày 07/10/2013 của Tổng Cục Đường bộ Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ - BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ GTVT ban hành "Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ"; Thông tư 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT về Ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;

- Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 của Bộ GTVT quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của BGTVT quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông

đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../... của Giám đốc Sở GTVT quy định về công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý;

- Biên bản xác định chủ trương, khối lượng công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên Gói thầu số ... các tuyến đường tỉnh ... được các phòng ban Sở GTVT Thanh Hóa và Công ty ... thống nhất ký ngày .../.../20... và hồ sơ dự toán kèm theo;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý hiện hành khác;

- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Đánh giá về khối lượng, chất lượng công việc xây dựng:

Sau khi kiểm tra hồ sơ nội nghiệp của đơn vị, đi kiểm tra hiện trường toàn tuyến (gói thầu số ...) do đơn vị thực hiện. Tổng hợp kết quả thực hiện, đối chiếu với các yêu cầu về (khối lượng), kỹ thuật, chất lượng thực hiện, các bên tham gia thống nhất đánh giá như sau:

a) Trường hợp nghiệm thu theo chất lượng thực hiện:

- Điểm thực hiện trong Tháng: ...

b) Trường hợp nghiệm thu theo khối lượng thực hiện:

- Chất lượng: Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường thuộc Gói thầu số ... đáp ứng yêu cầu theo quy định của Hợp đồng đã ký kết và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Khối lượng: Đảm bảo theo đúng hồ sơ dự toán đã được chấp thuận, phê duyệt.

- Ý kiến khác: Không.

(Có bảng tính chi tiết khối lượng hoàn thành kèm theo)

6. Kết luận nghiệm thu:

Các bên tham gia thống nhất nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên tuyến (gói thầu số ...) do Công ty ... thực hiện trong Tháng ... năm....

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

TUẦN KIỂM, GIÁM SÁT

LÃNH ĐẠO BAN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU BẢO TRÌ

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

HẠT TRƯỞNG (TRẠM TRƯỞNG)

PHỤ LỤC 1a

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/....../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG (CHẤT LƯỢNG) THỰC HIỆN THÁNG ...

**Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa
Gói thầu số ...**

1. Đối tượng nghiệm thu: Khối lượng (chất lượng) thực hiện công việc.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- | | |
|--------------|---------------------------------|
| - Ông: | - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban). |
| - Ông: | - Chức vụ: Phòng QLBT. |
| - Ông: | - Chức vụ: Giám sát. |

2.2. Đại diện Nhà thầu bảo trì (Bên B):

- | | |
|--------------|-------------------------------|
| - Ông: | - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị). |
| - Ông: | - Chức vụ: Trạm trưởng. |

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- | | |
|-------------------|---|
| - Bắt đầu: | giờ ... phút, ngày tháng năm 20.. |
| - Kết thúc: | giờ ... phút, ngày tháng năm 20.. |

Tại: hiện trường tuyến ĐTNĐ (gói thầu số ...)

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ hồ sơ dự thầu, Hợp đồng số .../.../HD-BDTX ngày .../.../20... giữa Ban QLBT ... và Công ty ... về việc thi công xây dựng công trình: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ... và các tài liệu kèm theo;

- Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017 - Bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa;

- Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ GTVT quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../20... của Giám đốc Sở GTVT quy chế thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý;

- Biên bản xác định chủ trương, khối lượng công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên Gói thầu số ... các tuyến đường tỉnh ... được các phòng ban Sở GTVT Thanh Hóa và Công ty ... thống nhất ký ngày .../.../20... và hồ sơ dự toán kèm theo;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý hiện hành khác;

- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Đánh giá về khối lượng, chất lượng công việc xây dựng:

Sau khi kiểm tra hồ sơ nội nghiệp của đơn vị, đi kiểm tra hiện trường toàn tuyến đường thủy nội địa(gói thầu số ...) do đơn vị thực hiện. Tổng hợp kết quả thực hiện, đối chiếu với các yêu cầu về (khối lượng), kỹ thuật, chất lượng thực hiện, các bên tham gia thống nhất đánh giá như sau:

a) Trường hợp nghiệm thu theo chất lượng thực hiện:

- Điểm thực hiện trong Tháng: ...

b) Trường hợp nghiệm thu theo khối lượng thực hiện:

- Chất lượng: Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa thuộc Gói thầu số ... đáp yêu cầu theo quy định của Hợp đồng đã ký kết và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Khối lượng: Đảm bảo theo đúng hồ sơ dự toán đã được chấp thuận, phê duyệt.

- Ý kiến khác: Không.

(Có bảng tính chi tiết khối lượng hoàn thành kèm theo)

6. Kết luận nghiệm thu:

Các bên tham gia thống nhất nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa (gói thầu số ...) do Công ty ... thực hiện trong Tháng ... năm....

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

GIÁM SÁT

LÃNH ĐẠO BAN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU BẢO TRÌ

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TRẠM TRƯỞNG

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/....../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG (CHẤT LƯỢNG) THỰC HIỆN THÁNG THỨ 3 VÀ CHẤP THUẬN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG (CHẤT LƯỢNG) THỰC HIỆN THÁNG THỨ 1, THÁNG THỨ 2 CỦA QUÝ ...

Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên quốc lộ (đường tỉnh) Gói thầu số...

1. Đối tượng nghiệm thu: Khối lượng (chất lượng) thực hiện công việc.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

- Ông: - Chức vụ: (Trưởng phòng QLGT).
- Ông: - Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLGT.
- Ông: - Chức vụ: Cán bộ phụ trách phòng QLGT.

2.2. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng QLBT.
- Ông: - Chức vụ: Tuần kiểm, Giám sát.

2.3. Đại diện Nhà thầu bảo trì (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Hạt trưởng (Trạm trưởng).

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường tuyến đường (gói thầu số ...)

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ hồ sơ dự thầu, Hợp đồng số .../.../HD-BDTX ngày .../.../20... giữa Ban QLBT ... và Công ty ... về việc thi công xây dựng công trình: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ... và các tài liệu kèm theo;

- Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ngày 07/10/2013 của Tổng Cục Đường bộ Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ - BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ GTVT ban hành "Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ"; Thông tư 44/2021/TT-

BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT về Ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;

- Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 của Bộ GTVT quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của BGTVT quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../... của Giám đốc Sở GTVT quy định về công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý;

- Căn cứ các Biên bản nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến (Gói thầu số...) tháng thứ 1, tháng thứ 2.

- Các tài liệu, văn bản pháp lý hiện hành khác;

- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Đánh giá về khối lượng, chất lượng hoàn thành giai đoạn:

Sau khi kiểm tra hồ sơ nội nghiệp của đơn vị, đi kiểm tra hiện trường toàn tuyến (gói thầu số ...) do đơn vị thực hiện. Tổng hợp kết quả thực hiện, đối chiếu với các yêu cầu về (khối lượng), kỹ thuật, chất lượng thực hiện, các bên tham gia thống nhất đánh giá như sau:

a) Trường hợp nghiệm thu theo chất lượng thực hiện:

- Điểm thực hiện trong tháng: ...

b) Trường hợp nghiệm thu theo khối lượng thực hiện:

- Chất lượng: Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường thuộc Gói thầu số ... đáp ứng yêu cầu theo quy định của Hợp đồng đã ký kết và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Khối lượng: Đảm bảo theo đúng hồ sơ dự toán đã được chấp thuận, phê duyệt.

- Ý kiến khác: ...

(Có bảng tính chi tiết khối lượng hoàn thành kèm theo)

6. Kết luận nghiệm thu:

Các bên tham gia thống nhất nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện tháng thứ 3 và chấp thuận nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện tháng thứ 1, tháng thứ 2 của quý ... về công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên quốc lộ (đường tỉnh) gói thầu số ... do Công ty ... thực hiện.

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

PHÒNG QUẢN LÝ GIAO THÔNG

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH

LÃNH ĐẠO PHÒNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

TUẦN KIỂM, GIÁM SÁT

LÃNH ĐẠO BAN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU BẢO TRÌ

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

HẠT TRƯỞNG (TRẠM TRƯỞNG)

PHỤ LỤC 2a

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/..... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG (CHẤT LƯỢNG) THỰC HIỆN THÁNG THỨ 3 CỦA QUÝ .../20....

Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa

Gói thầu số...

1. Đối tượng nghiệm thu: Khối lượng (chất lượng) thực hiện công việc.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

- Ông: - Chức vụ: (Trưởng phòng QLGT).
- Ông: - Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLGT.
- Ông: - Chức vụ: Cán bộ phụ trách phòng QLGT.

2.2. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng QLBT.
- Ông: - Chức vụ: Giám sát.

2.3. Đại diện Nhà thầu bảo trì (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: (Trạm trưởng).

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường tuyến ĐTNĐ (gói thầu số ...)

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ hồ sơ sự thầu, Hợp đồng số .../.../HĐ-BDTX ngày .../.../20... giữa Ban QLBT ... và Công ty ... về việc thi công xây dựng công trình: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ... và các tài liệu kèm theo;

- Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017 - Bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa;

- Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ GTVT quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../20... của Giám đốc Sở GTVT quy chế thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình giao thông và quản lý, điều hành hoạt động vận tải hàng khách công cộng bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa quản lý;

- Căn cứ các Biên bản nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa...(Gói thầu số...) tháng thứ 1, tháng thứ 2, tháng thứ 3 giữa Ban QLBT ... và Công ty ... về việc thi công xây dựng công trình: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ... và các tài liệu kèm theo;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý hiện hành khác;

- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Đánh giá về khối lượng, chất lượng hoàn thành giai đoạn:

Sau khi kiểm tra hồ sơ nội nghiệp của đơn vị, đi kiểm tra hiện trường toàn tuyến (gói thầu số ...) do đơn vị thực hiện. Tổng hợp kết quả thực hiện, đối chiếu với các yêu cầu về (khối lượng), kỹ thuật, chất lượng thực hiện, các bên tham gia thống nhất đánh giá như sau:

a) Trường hợp nghiệm thu theo chất lượng thực hiện:

- Điểm thực hiện trong tháng: ...

b) Trường hợp nghiệm thu theo khối lượng thực hiện:

- Chất lượng: Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường thuộc Gói thầu số ... đáp ứng yêu cầu theo quy định của Hợp đồng đã ký kết và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Khối lượng: Đảm bảo theo hồ sơ dự toán đã được chấp thuận, phê duyệt.

- Ý kiến khác: ...

(Có bảng tính chi tiết khối lượng hoàn thành kèm theo)

6. Kết luận nghiệm thu:

Các bên tham gia thống nhất nghiệm thu khối lượng (chất lượng) thực hiện tháng thứ 3 của quý ... về công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa..... gói thầu số ... do Công ty ... thực hiện.

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

PHÒNG QUẢN LÝ GIAO THÔNG

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH

LÃNH ĐẠO PHÒNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

GIÁM SÁT

LÃNH ĐẠO BAN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU BẢO TRÌ

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TRẠM TRƯỞNG

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/....../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Công trình (Gói thầu số ...):

1. Đối tượng nghiệm thu: Công trình xây dựng hoàn thành.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng chuyên môn.

2.2. Đại diện Nhà thầu thi công (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: ... (Lãnh đạo Đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

2.3. Đại diện Nhà thầu Tư vấn giám sát:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Giám sát trưởng.
- Ông: - Chức vụ: Giám sát viên.

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường công trình (gói thầu số ...) xây dựng

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày / /20.. của nhà thầu thi công xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế BVTC (Báo cáo KTKT) xây dựng công trình ... được Giám đốc Sở GTVT Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../20....;
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo Hợp đồng số:/20../HĐ-XD ngày/...../20.. giữa Ban QLBT ... và Công ty
- Quy trình, quy chuẩn, TCXD được áp dụng: ...
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát và các tài liệu khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Hồ sơ hoàn công công trình;
- Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan.
- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Quy mô công trình:

- Quy mô: ...
- Các nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có):.....

6. Đánh giá về chất lượng công trình xây dựng hoàn thành:

Các bên tham gia nghiệm thu kiểm tra hồ sơ hoàn công, hiện trường công trình đã được thi công xong, đối chiếu với hồ sơ thiết kế được duyệt, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thi công và nghiệm thu, thống nhất đánh giá chất lượng thi công công trình hoàn thành như sau:

- Công trình hoàn thành đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, đảm bảo chất lượng.
- Khối lượng thi công: đảm bảo theo hồ sơ thiết kế (các điều chỉnh, bổ sung) được duyệt (*có tổng hợp khối lượng hoàn thành kèm theo*).
- Các ý kiến khác: Không.

7. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình: do Công ty thực hiện thi công.

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

LÃNH ĐẠO BAN

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THI CÔNG**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT: ...
GIÁM SÁT TRƯỞNG LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 3a

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/....../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Công trình:

1. Đối tượng nghiệm thu: Công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng QLBT.

2.2. Đại diện Nhà thầu thi công (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: ... (Lãnh đạo Đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

2.3. Đại diện Nhà thầu Tư vấn giám sát:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Giám sát trưởng.
- Ông: - Chức vụ: Giám sát viên.

2.4. Đại diện Nhà thầu Tư vấn thiết kế:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường công trình.....

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày / /20.. của nhà thầu thi công xây dựng;
- Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo Hợp đồng số:/20../HĐ-XD ngày/...../20....;

- Quy trình, quy chuẩn, TCXD được áp dụng: ...
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát và các tài liệu khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan.

- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Quy mô, giải pháp khắc phục công trình:

- Quy mô: ...

- Giải pháp khắc phục:.....

6. Đánh giá về chất lượng công trình xây dựng hoàn thành:

Các bên tham gia nghiệm thu kiểm tra hồ sơ hoàn công, hiện trường công trình đã được thi công xong, đối chiếu với các tài liệu có liên quan, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thi công và nghiệm thu, thống nhất đánh giá chất lượng thi công công trình hoàn thành như sau:

- Công trình hoàn thành đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, đảm bảo chất lượng.
- Khối lượng thi công: *có tổng hợp khối lượng hoàn thành kèm theo.*
- Các ý kiến khác: Không.

7. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình: do Công ty thực hiện thi công.

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

LÃNH ĐẠO BAN

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THI CÔNG**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT: ...
GIÁM SÁT TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN THIẾT KẾ: ...
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/...../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU BÀN GIAO CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH XÂY DỰNG ĐƯA VÀO KHAI THÁC, SỬ DỤNG

Công trình (Gói thầu số ...):

1. Đối tượng nghiệm thu: Bàn giao công trình hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

- Ông: - Chức vụ: Phòng QLGT.
- Ông: - Chức vụ: Phòng TĐ-KHKT (nếu có).

2.2. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng chuyên môn.

2.3. Đại diện Nhà thầu thi công (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

2.4. Đại diện Nhà thầu Tư vấn giám sát:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Giám sát trưởng.
- Ông: - Chức vụ: Giám sát viên.

2.5. Đại diện Nhà thầu thiết kế:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).

2.6. Đại diện Đơn vị quản lý, bảo dưỡng, khai thác:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường công trình (gói thầu số ...) xây dựng

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày / /20.. của nhà thầu thi công xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế BVTC (Báo cáo KTKT) xây dựng công trình ... được Giám đốc Sở GTVT Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../20....;
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo Hợp đồng số:/20../HĐ-XD ngày/...../20.. giữa Ban QLBT ... và Công ty;
- Quy trình, quy chuẩn, TCXD được áp dụng: ...
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát và các tài liệu khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Hồ sơ hoàn công công trình;
- Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan.
- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Quy mô công trình:

- Quy mô: ...
- Các nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có):.....

6. Đánh giá về chất lượng công trình xây dựng hoàn thành:

Các bên tham gia nghiệm thu kiểm tra hồ sơ hoàn công, hiện trường công trình đã được thi công xong, đối chiếu với hồ sơ thiết kế được duyệt, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thi công và nghiệm thu, thống nhất đánh giá chất lượng thi công công trình hoàn thành như sau:

- Công trình hoàn thành đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, đảm bảo chất lượng.
- Khối lượng thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế (các điều chỉnh, bổ sung) được duyệt.
- Đủ điều kiện bàn giao công trình để đưa vào sử dụng.
- Các ý kiến khác: Không.

7. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng công trình: do Công ty thực hiện thi công.
- Đơn vị nhận bàn giao: Công ty, tiếp nhận toàn bộ công trình hoàn thành được giao, để quản lý khai thác sử dụng từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

- Đơn vị thi công: Công ty có trách nhiệm bảo hành công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng thời gian ... tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

PHÒNG QLGT

PHÒNG TĐ-KHKT

(nếu có)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

LÃNH ĐẠO BAN

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THIẾT KẾ**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT: ...
GIÁM SÁT TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THI CÔNG**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
NHẬN QUẢN LÝ**

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO SỞ GTVT

PHỤ LỤC 4a

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/...../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU BÀN GIAO CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH XÂY DỰNG ĐƯA VÀO KHAI THÁC, SỬ DỤNG

Công trình:

1. Đối tượng nghiệm thu: Bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

- Ông: - Chức vụ: Phòng QLGT.
- Ông: - Chức vụ: Phòng TĐ-KHKT.

2.2. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng QLBT.

2.3. Đại diện Nhà thầu thi công (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

2.4. Đại diện Nhà thầu Tư vấn giám sát:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).
- Ông: - Chức vụ: Giám sát trưởng.
- Ông: - Chức vụ: Giám sát viên.

2.5. Đại diện Nhà thầu thiết kế:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).

2.6. Đại diện Đơn vị quản lý, bảo dưỡng, khai thác:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo đơn vị).

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..
- Tại: hiện trường công trình

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Văn bản số..... ngày/....../... của Ban Quản lý bảo trì đề nghị nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng:
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng ngày .../.../...;
- Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông được phê duyệt tại Quyết định sốngày .../.../20....;
- Hợp đồng số:/20..../HD-XD ngày/...../20.....;
- Quy trình, quy chuẩn, TCVN được áp dụng: ...
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát và các tài liệu khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan.
- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Quy mô, giải pháp khắc phục công trình:

- Quy mô: ...
- Giải pháp khắc phục:.....

6. Đánh giá về chất lượng công trình xây dựng hoàn thành:

Các bên tham gia nghiệm thu kiểm tra hồ sơ hoàn công, hiện trường công trình đã được thi công xong, đối chiếu với các văn bản, tài liệu có liên quan, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thi công và nghiệm thu, thống nhất đánh giá chất lượng thi công công trình hoàn thành như sau:

- Công trình hoàn thành đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, đảm bảo chất lượng.
- Khối lượng thi công đảm bảo theo hồ sơ hoàn thành công trình đã được duyệt.
- Đủ điều kiện bàn giao công trình để đưa vào sử dụng.
- Các ý kiến khác: Không.

7. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng công trình: do Công ty thực hiện thi công.
- Đơn vị nhận bàn giao: Công ty, tiếp nhận toàn bộ công trình hoàn thành được giao, để quản lý khai thác sử dụng từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

- Đơn vị thi công: Công ty có trách nhiệm bảo hành công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng thời gian ... tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

PHÒNG QLGT

PHÒNG TĐ-KHKT

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

LÃNH ĐẠO BAN

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THIẾT KẾ**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT: ...
GIÁM SÁT TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THI CÔNG**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
NHẬN QUẢN LÝ**

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO SỞ GTVT

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/....../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH VIỆC BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

Gói thầu số ...: Thi công xây dựng công trình ...

1. Đối tượng nghiệm thu: Hoàn thành bảo hành công trình.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).

- Ông: - Chức vụ: Phòng Bảo trì.

2.2. Đại diện Nhà thầu thi công (Bên B):

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).

2.2. Đại diện Đơn vị quản lý, bảo dưỡng, khai thác:

- Ông: - Chức vụ: ... (Lãnh đạo đơn vị).

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

- Kết thúc: giờ ... phút, ngày tháng năm 20..

Tại: hiện trường công trình (Gói thầu số ...) xây dựng:

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng ngày .../.../...;

- Hồ sơ thiết kế BVTC (Báo cáo KTKT) xây dựng công trình ... được Giám đốc Sở GTVT Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../20...;

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo Hợp đồng số:/20../HĐ-XD ngày/...../20... giữa Ban QLBT ... và Công ty

- Căn cứ các quy trình, quy chuẩn, TCXD được áp dụng;

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị;

- Hồ sơ hoàn công công trình;

- Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan.

- Thực tế kiểm tra hiện trường công trình.

5. Đánh giá về chất lượng công trình xây dựng:

- Công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày .../.../..., trong quá trình bảo hành công trình xuất hiện một số khiếm khuyết nhỏ, Nhà thầu thi công đã sửa chữa kịp thời. Đến nay, công trình vẫn khai thác tốt, phát huy hiệu quả, đảm bảo giao thông trên tuyến và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

- Đủ điều kiện nghiệm thu hoàn thành bảo hành công trình;

- Các ý kiến khác: Không.

6. Kết luận nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành bảo hành công trình (Gói thầu số ...) xây dựng:

.....

- Thống nhất báo cáo Sở GTVT đủ điều kiện xác nhận hết bảo hành công trình (Gói thầu số ...) xây dựng:

Biên bản được các bên tham gia thống nhất thông qua, lập thành ... bản có giá trị như nhau./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

PHÒNG BẢO TRÌ

LÃNH ĐẠO BAN

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ NHẬN QUẢN LÝ

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-SGTVT ngày/...../.... của Giám đốc Sở GTVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN

XÁC MINH KHỐI LƯỢNG THIẾT HẠI VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Kiểm tra, xác minh khối lượng thiệt hại, đề xuất phương án xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 do ảnh hưởng của cơn bão số ... xảy ra từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20... trên tuyến đoạn Km...-Km..., tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ GTVT quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SGTVT ngày .../.../20... của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 trên tuyến, tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của cơn bão số ... xảy ra từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

I. ĐOÀN CÔNG TÁC GỒM

1. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa

- Ông: - Chức vụ: Phòng QLGT.
- Ông: - Chức vụ: Phòng TĐ-KHKT.

2. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A): Ban QLBT

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Ban).
- Ông: - Chức vụ: Phòng chuyên môn.

3. Đại diện địa phương: UBND huyện

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo UBND huyện).
- Ông: - Chức vụ: Phòng Kinh tế - Hạ tầng

4. Đại diện Tư vấn thiết kế:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).

- Ông: - Chức vụ: CB thiết kế

5. Đại diện Nhà thầu bảo trì:

- Ông: - Chức vụ: (Lãnh đạo Đơn vị).

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐOÀN CÔNG TÁC

Đoàn công tác đi kiểm tra thực tế, xác minh tình trạng thiệt hại do ảnh hưởng của cơn bão số ... xảy ra từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20... trên tuyến đoạn Km... – Km..., thuộc địa phận huyện, tỉnh Thanh Hóa, đề xuất phương án khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 như sau:

1. Về hiện trạng hư hỏng:

Do ảnh hưởng của cơn bão số xảy ra từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20... trên tuyến nhiều vị trí sạt lở taluy dương, sa bồi rãnh dọc, sa bồi mặt đường, sạt lở taluy âm, mặt đường bong tróc, xói trôi.

2. Khối lượng thiệt hại:

Sau khi đi kiểm tra thực tế tại hiện trường đoàn công tác xác định khối lượng thiệt hại do ảnh hưởng của cơn bão số gây ra như sau:

- Sạt lở taluy dương: vị trí
- Sạt lở taluy âm: vị trí
- Hư hỏng tứ nón cầu: vị trí
- Đất đá sa bồi rãnh dọc: vị trí
- Đất đá sa bồi mặt đường: vị trí

Lý trình: *(Có bảng kê chi tiết kèm theo)*

Đây là khối lượng xác định sơ bộ, giao Ban QLBT, đơn vị thi công, tư vấn thiết kế khảo sát, đo đạc khối lượng chính xác, lập hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai trình duyệt theo quy định.

3. Phương án xử lý, khắc phục, BDGT bước 1

Từ các hư hỏng trên đoàn công tác thống nhất đề xuất phương án khắc phục, sửa chữa như sau:

- Đối với những vị trí sạt lở taluy dương, sa bồi mặt đường, sa bồi rãnh dọc, sa bồi vùi lấp cống là đất lẫn đá nhỏ: Tiến hành chặt cây đổ, hót đất sụt trượt taluy dương, sa bồi mặt đường, sa bồi rãnh dọc và vét đất, đá vùi lấp cống thoát nước, sau đó vận chuyển đất thải đổ đến vị trí bãi thải, đảm bảo vệ sinh môi trường;

-

Trên cơ sở kiểm tra, xác minh khối lượng thiệt hại và đề xuất phương án xử lý, khắc phục. Đoàn công tác thống nhất lập biên bản báo cáo Lãnh đạo Sở GTVT Thanh Hóa xem xét quyết định./.

CÁC BÊN THAM GIA THỐNG NHẤT KÝ TÊN./.

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

PHÒNG QLGT

PHÒNG TĐ-KHKT

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLBT ...

PHÒNG CHUYÊN MÔN

LÃNH ĐẠO BAN

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
THIẾT KẾ**

**ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG:
UBND HUYỆN ...**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ**